

Số: **166/2019/QĐST-VDS**

Thủ Dầu Một, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-VDS, ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Ngô Văn P, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh B.

- Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/4/2019, ông Ngô Văn P và bà Võ Thị Ngọc T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông P và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc ông P và bà T thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: ông P và bà T thỏa thuận: Các con chung là cháu Ngô Thị Huyền L, sinh ngày 01/7/1994 và cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 09/10/2000 đã trưởng thành nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn P và bà Võ Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 20/3/1992 của UBND xã (nay là phường) C, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh S (nay là tỉnh B) cấp cho ông P và bà T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Các con chung là cháu Ngô Thị Huyền L, sinh ngày 01/7/1994 và cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 09/10/2000 đã trưởng thành nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Ngô Văn P và bà Võ Thị Ngọc T mỗi người nộp số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0033768 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường C, thành phố Tt, tỉnh B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh